

Bản án số: **59/2019/HNGĐST**
Ngày 04-9-2019
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Minh Hoàng**

2. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2019/TLST–HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Phi H1** – sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: số 224, tổ 8, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Chị **Đặng Thị H2** – sinh năm 1995 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: số 224, tổ 8, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Phi H1 trình bày:**

Anh và chị Đặng Thị H2 chung sống với nhau vào ngày 18/01/2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang vào ngày 26 tháng 12 năm 2014. Vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi cưới, vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 4 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H1 và chị H2 chỉ đã ly thân với nhau từ khoảng tháng 8/2018 đến nay.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung:

1. Nguyễn Thị Nhã H3 – sinh ngày 30/7/2015

Cháu đã có giấy khai sinh và hiện nay đang sống chung với chị H2.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh H1 yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh H1 yêu cầu được ly hôn với chị H2.

- *Về quan hệ con chung:* Anh H1 xin giao cháu Nguyễn Thị Nhã H3 – sinh ngày 30/7/2015 cho chị H2 nuôi dưỡng, anh H1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Nhã H3 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Nhã H3 đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Do bị đơn chị Đặng Thị H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên chị H2 không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- ***Về thủ tục tố tụng:*** Yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phi H1 được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp.

Chị Đặng Thị H2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại phiên tòa hôm nay chị Đặng Thị H2 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Ngoài ra, tại phiên tòa anh H1 yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H2. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị Đặng Thị H2.

Xét yêu cầu xin ly hôn và giao con cho chị Đặng Thị H2 nuôi dưỡng của anh Nguyễn Phi H1, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy anh Nguyễn Phi H1 và chị Đặng Thị H2 chung sống với nhau được Ủy ban Nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 85, ngày 26/12/2014 đúng theo quy định tại Điều 9

Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất công nhận đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh H1: Xét thấy, trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh và chị H2 chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, vợ chồng anh chị đã ly thân với nhau từ khoảng tháng 8/2018 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng anh chị không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Chính vì thế, việc anh H1 yêu cầu được ly hôn với chị H2 là có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu giao con cho chị H2 nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh H1:

Xét thấy, cháu Nguyễn Thị Nhã H3 hiện đang sống chung với chị H2, chị H2 vẫn đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu, thiết nghĩ không nên làm xáo trộn về mặt tâm sinh lý của cháu H3. Mặt khác, cháu H3 vẫn còn nhỏ nên cần đến sự quan tâm, chăm sóc của mẹ là chị H2. Do vậy, anh H1 yêu cầu giao con cho chị H2 nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về cấp dưỡng: Mặc dù chị Đặng Thị H2 không yêu cầu cấp dưỡng, nhưng tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của anh H1 là hàng tháng anh H1 cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Nhã H3 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Nhã H3 đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H1 xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 56, các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Nguyễn Phi H1:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Phi H1 được ly hôn với chị Đặng Thị H2.

Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Nhã H3 – sinh ngày 30/7/2015 cho chị Đặng Thị H2 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Phi H1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Nhã H3 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Nguyễn Thị Nhã H3 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Về án phí:

+ **Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Anh Nguyễn Phi H1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

+ **Án phí cấp dưỡng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng:** Anh Nguyễn Phi H1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 175, Điều 177, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9; khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Phi H1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Phi H1 ly hôn với chị Đặng Thị H2.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Nhã H3 – sinh ngày 30/7/2015 cho chị Đặng Thị H2 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Phi H1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Nhã H3 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Nguyễn Thị Nhã H3 đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Phi H1 được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- **Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Anh Nguyễn Phi H1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng),

- **Án phí cấp dưỡng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng:** Anh Nguyễn Phi H1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng),

Tổng cộng, anh Nguyễn Phi H1 phải nộp 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0003390 ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Anh Nguyễn Phi H1 còn phải nộp thêm số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn chị Đặng Thị H2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo